TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án: **58**/2025/HSST Ngày: 21/8/2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang H
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh H
  2. Bà Phạm Thị Q
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Doãn Khắc H H, Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND Khu vực 4 - H tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy D, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xét xử - Trụ sở cơ sở 2 Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/HSST, ngày 18/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXX-HS, ngày 8/8/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn B**- Sinh ngày 19/01/2000; HKTT: xã H, Hện G, tỉnh N (nay là xã G, tỉnh N); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn B - Sinh năm 1974; Con bà: Vũ Thị N - Sinh năm 1980; Gia đình có 02 con, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Nguyễn Kim O - Sinh năm 2004; Có 01 con sinh năm 2025. Theo danh chỉ bản số:1262, ngày 14/5/2025 tại Công an thành phố H lập thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 14/05/2025, được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam ngày 27/05/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại : Trần Quốc H - SN 2000, HKTT: TDP G, thị trấn G, Hện P, tỉnh T ; Nơi ở : Số 5 Đ, phường K, Thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6 năm 2024, anh Trần Quốc H và Nguyễn Văn B là bạn ở cùng nhà trọ tại nhà số 5, ngách 22, ngõ 322, đường M, P, phường M, quận N, Thành phố H và cùng làm nhân viên bếp tại quán Bò 34 đường L, quận N, TP. H. Trong thời gian sinh sống và làm việc, B đã nhiều lần mượn xe của anh H để đi chơi và giải quyết công việc

riêng. Tối ngày 02/07/2024, B mượn xe của H để đi chơi với người yêu, B có mượn giấy tờ đăng ký xe của H với lý do sợ Công an kiểm tra. Đến sáng ngày 03/07/2024 B mang chìa khóa xe trả lại cho H. Ngày 03/07/2024, B bị anh Phạm Ngọc B (SN: 2003; Địa chỉ: C4 Nguyễn C, phường M, quận N, TP H) đòi số tiền vay nợ là 2.800.000 VND (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). Do không vay được ai tiền để trả nợ, nên đã nảy sinh ý định mượn chiếc xe máy Honda Vision màu xanh ngọc BKS: 60B9-xxx74 của H, mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ (do B thấy việc mượn xe của anh H dễ dàng). Để thực hiện ý định của mình, vào khoảng 14h ngày 03/07/2024, B lấy lý do đi công việc để hỏi mượn xe máy BKS: 60B9-xxx74 của H, H đồng ý giao chìa khóa xe cho B. Ngay sau khi nhận được xe, B tìm được cửa hàng để cầm cố ở địa chỉ 218 đường M, phường M, quận N, TP H. Tại đây, anh Nguyễn Văn Q (SN: 1992; HKTT: Thị trấn C, Huyện H tỉnh N) là chủ cửa hàng hỏi B về nguồn gốc xe máy là xe của ai, xe có phải chính chủ không thì B trả lời là xe mua lại của người khác, chưa sang tên. Anh Q làm hợp đồng cầm cố xe máy với giá 19.000.000 đồng, thời gian cầm cố từ 03/07/2024 đến 18/07/2024, lãi suất khi nào lấy xe trả sau. Sau khi cầm cố được 19.000.000 đồng, B trả nợ số tiền 2.800.000VND (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) và đi chơi game hết. Đến đêm ngày 04/07/2024, B về phòng trọ gặp H và H bảo B trả lại xe máy thì B thừa nhận là đã mang xe máy mượn của B đi cầm cố tại địa chỉ số 218, đường M, M, N, H với giá 19.000.000 đồng. B đưa cho H giữ giấy cầm xe và giấy phép lái xe của B để làm tin, B hứa 1(một) tháng sau sẽ chuộc lại xe trả cho H. H và B vẫn đi làm bình thường tại quán Bò 34. Đến hạn 1 tháng, ngày 9/8/2024, H có giục B trả xe nhưng B không có tiền để lấy xe ra trả cho H. Vì vậy anh Trần Sỹ T (SN 1991, HKTT phường Q, thành phố T, tỉnh T), cậu của anh H, gọi điện cho B đe dọa nếu không trả lại xe cho H thì sẽ làm đơn gửi công an. Thấy vậy, B bỏ việc và cắt liên lạc với anh H. B đến quán ăn ở Đ, quận H, TP H để làm thuê nhân viên quán ăn và sinh sống tại đây. B vứt sim đi, không liên lạc với gia đình cũng như bạn bè. Do không liên lạc được với B nên ngày 11/08/2024, anh H trình báo với cơ quan điều tra. Ngày 20/08/2024, anh Nguyễn Văn B (SN 2001, HKTT: H, G, N), em trai của B, đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Văn Q chuộc lại xe máy trên và trả lại cho anh Trần Quốc H. Đến khoảng tháng 1 năm 2025, B về quê sinh sống. Khi biết anh H đã gửi đơn ra Công an thành phố H, ngày 01/04/2025 khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra - CATP H triệu tập đến làm việc, B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 197 ngày 19/09/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự quận N, kết luận: *01 xe máy Honda Vision màu xanh, BKS: 60B9-740.74 số khung: RLHJK0319NZ01319N015845, số máy: JK03E5352785 trị giá: 25.000.000 đồng.*

Đối với xe máy Honda Vision màu xanh ngọc BKS: 60B9-xxx74 là tài sản hợp pháp của bà Đặng Thị L (SN 1959, HKTT: Ấp 6, V, V, Đ), bà nội của anh Trần Quốc

H. Ngày 20/08/2024, anh Nguyễn Văn B, em trai của B đã chuộc lại xe máy và trả lại cho anh H. Anh H đã nhận lại xe máy và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với anh Nguyễn Văn Q: Quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố chiếc xe máy Honda Vision màu xanh ngọc BKS: 60B9-74074, anh Q không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập để xử lý. Do gia đình Nguyễn Văn B đã trả tiền để chuộc lại xe máy nên anh Q không có yêu cầu gì về dân sự.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và tài liệu điều tra khác.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSBTL, ngày 15/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, TP. H đã truy tố và vị đại diện công bố trước phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Quốc H đã nhận tài sản chiếc xe máy Honda Honda Vision màu xanh, BKS: 60B9-740.74 số khung: RLHJK0319NZ - 01319N015845, số máy: JK03E5352785. Anh H không còn yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội. Đại diện VKSND Khu vực 4 - H đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b,i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại anh Trần Quốc H đã nhận tài sản không yêu cầu về bồi thường dân sự nên Tòa không xét.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

- Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an Thành phố H; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Do nợ nần, không có tiền để trả nợ nên ngày 03/7/2024 bị cáo Nguyễn Văn B đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt chiếc xe máy Honda Vision màu xanh ngọc BKS: 60B9-xxx74 của anh Trần Quốc H. Để thực hiện hành vi phạm tội của mình vào khoảng 14h ngày 03/07/2024, tại nhà số 5, ngách 22, ngõ 322, đường Mỹ Đình, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận N, TP H (nay là Phường Từ Liêm, Thành phố H), bị cáo Nguyễn Văn B đã nói dối hỏi mượn anh Trần Quốc H chiếc xe máy Honda Vision màu xanh ngọc, BKS: 60B9-xxx74 để đi công việc. Anh H đã tin giả là thật tự nguyện giao chiếc xe máy trên cho bị cáo B. Sau khi nhận được xe, bị cáo B đã mang xe đến Cửa hiệu cầm đồ tại 218 đường M, phường M, quận N đặt cho anh Nguyễn Văn Q lấy 19.000.000 đồng. Chiếc xe máy Honda Vision màu xanh ngọc BKS: 60B9-xxx74 đã được Hội đồng định giá tố tụng quận N định giá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Hiện gia đình bị cáo B đã chuộc lại chiếc xe máy trên trả lại cho anh Trần Quốc H. Vì vậy Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSBTL, ngày 15/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, TP. H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích tư lợi. Vì vậy cần phải đưa ra một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét bị cáo thành khẩn khai báo; Tài sản bị cáo chiếm đoạt, bị cáo đã vận động gia đình chuộc lại để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc thường hợp ít nghiêm trọng; Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và lần đầu bị đưa ra xét xử. Bị có nơi cư trú rõ ràng, con bị cáo mới sinh. Vì vậy xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội và cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, xét các bị cáo không có tài sản riêng, không nghề và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b,i,s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b,i,s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về UBND xã G, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Về trách nhiệm dân sự**: Không xét.

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

***Về quyền kháng cáo**:

+ Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

+ Người bị hai (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Quang H

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Khu vự 4 H;
- VKSND Thành phố H;
- TAND Thành phố H;
- Công an Thành phố H;
- Phòng THADS Khu vực 4 H;
- Lưu HS-VP.